

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

Số: 05/2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 29 tháng 3 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;*

*Xét Tờ trình số 756/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 211/BC-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa X, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBNDTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề,  
ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Kèm theo Nghị quyết số...../2022/NQ-HĐND*

*ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

##### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nghị quyết không hỗ trợ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ các chương trình khác trùng với các nội dung quy định tại Nghị quyết này.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí bằng hình thức hỗ trợ một phần; phần còn lại do tổ chức, cá nhân tự cân đối và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Trình tự và thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

### **Chương II**

#### **NỘI DUNG CHI, MỨC CHI**

**Điều 4. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Mức hỗ trợ

a) Nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được UBND tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

b) Làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, được UBND tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

c) Làng nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được UBND tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Kinh phí hỗ trợ được bổ sung cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận và được sử dụng trong việc tổ chức công bố quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

#### **Điều 5. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề**

Hỗ trợ 60% chi phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề) cho các làng nghề gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; làng nghề gắn với việc bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa thông qua các nghề truyền thống. Mức hỗ trợ tối đa không quá **5.000.000.000 đồng/dự án** (*năm tỷ đồng/dự án*).

#### **Điều 6. Hỗ trợ đào tạo nhân lực**

Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng và Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

#### **Điều 7. Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn**

1. Đối tượng hỗ trợ: Áp dụng tại Điều 2 quy định này.

2. Cơ quan thực hiện hỗ trợ: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở địa phương hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Nội dung chi hỗ trợ dự án và nguyên tắc ưu tiên: Thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Mức hỗ trợ: 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

**Điều 8. Chi khảo sát, học tập trong nước**

Chi khảo sát, học tập trong nước thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 9. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn ngân sách nhà nước: Ngân sách tỉnh, huyện; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án có liên quan, kinh phí khuyến công.

2. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

**Điều 10. Nguyên tắc áp dụng**

1. Các chế độ về hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Đước**